

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/DS-PT

Ngày: 19/5/2025

*V/v “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc *“Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông B là Nguyễn Tý H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Bé S, sinh năm 1961;

2. Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1977;

3. Ông Lê Minh H1, sinh năm 1983.

Là người thừa kế thứ nhất của ông V.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 là các bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của anh Nguyễn Tý H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Võ Thanh B, trình bày:

Ngày 10/8/2000 ông Lê Văn V (Là anh rể của ông Võ Thanh B) có nhờ ông B đứng ra hỏi vay ông Trần Văn L giùm ông V số vàng là 04 cây vàng 24 kara 999,9, với lãi suất hàng tháng là 4%/tháng (tương đương 1 chỉ 6 phân vàng/01 tháng), ông V hẹn đến 10/8/2001 sẽ trả đủ số vàng này.

Sau khi vay số vàng 04 cây vàng 24 kara thì ông V không đóng lãi, cũng như không trả số vàng cho ông L, ông B đã nhiều lần yêu cầu ông V trả cho ông L số vàng nêu trên nhưng ông V biện hết lý do này đến lý do khác cố tình không trả cho ông L.

Năm 2005, ông Lê Văn V chết, ông B đã nhiều lần tìm đến và thỏa thuận với bà S, bà T và anh H1 để trả số vàng nhưng với bà S, bà T và anh H1 vẫn không trả. Do ông B là người đứng ra hỏi vay giùm ông V nên ông B có nghĩa vụ phải trả số vàng 04 cây vàng 24 kara cho ông L, ông B đã trả dần đến năm 2020 thì trả hết dứt điểm cho ông L với tổng số vàng là 40 chỉ vàng 24 kara.

Ông B đã nhiều lần tìm đến và yêu cầu bà S, bà T và anh H1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông V trả cho ông B số tiền mà ông B đã đứng ra trả thay cho ông V là 40 chỉ vàng 24 kara nhưng bà S, bà T và anh H1 vẫn không trả cho ông B. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B.

Năm 2011 thì ông B có nhờ áp hòa giải để đòi lại số vàng, nên gia đình của ông V có biết sự việc, do đó phía bị đơn trình bày không biết việc ông V có nợ vàng hay không là không đúng.

Ông Võ Thanh B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc những người thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn V là bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T và anh Lê Minh H1 phải trả cho ông Võ Thanh B số vàng là 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 trong phạm vi tài sản của ông Lê Văn V chết để lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn cung cấp giá vàng thị trường của 03 tiệm vàng, cụ thể: Vàng 24K loại 999.9 có giá bán ra là 8.360.000đ/chỉ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định ông V khi còn sống có tài sản chung với vợ bà Võ Thị Bé S là phần đất thuộc thửa 940, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phần đất được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Võ Thị Bé S.

Bị đơn Bà Võ Thị Bé S trình bày: Đối với yêu cầu của ông B thì bà không đồng ý. Bà không hay biết về việc chồng bà là ông V có nhờ ông B vay giùm số vàng 24kr là 40 chỉ của ông Trần Văn L.

Theo ông B trình bày ngày 10/8/2001 ông V cam kết trả đủ số vàng nêu trên nhưng tại sao từ năm 2001 đến trước khi ông V mất năm 2005 thì trong khoảng thời gian 04 năm tại sao ông B không khởi kiện. Bà S nghi ngờ ông B ngụy tạo chứng cứ.

Năm 2011 thì ở tổ, ấp có mời bà S để hòa giải, tại buổi hòa giải thì bà S trình bày là không biết ông V nhờ vay vàng giùm nên không đồng ý, hòa giải không thành.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B thì bà S không đồng ý.

Bà S xác nhận ông V chết năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm có bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 ngoài ra không còn ai khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S đồng ý trả cho ông B số vàng ông V còn nợ là 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 nhưng giá vàng ở thời điểm năm 2001. Giá vàng 24 kara loại 999,9 thị trường năm 2001 là 491.000đ/chỉ. Không đồng ý trả theo giá vàng hiện tại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S cũng thừa nhận ông V khi còn sống thì vợ chồng có tài sản chung là phần đất vườn, có diện tích là 1.500m² đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phần đất được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Võ Thị Bé S. Phần đất này là do ông V và bà S nhận chuyển nhượng.

Anh Lê Minh H1 trình bày: Đối với yêu cầu của ông B thì anh không đồng ý. Theo đơn ông B trình bày năm 2000 thì ông V có nhờ vay vàng giùm, hạn đến năm 2001 sẽ trả đủ, nhưng tại sao từ năm 2001 đến năm 2005 thì ông B không đòi cũng nhưng không khởi kiện.

Sau khi ông V chết năm 2005 thì ông B cũng thường tới lui với gia đình ông nhưng ông B vẫn không có đề cập. Gia đình không biết việc ông V có vay vàng nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Anh H1 xác nhận ông V mất năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm có bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 ngoài ra không còn ai khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H1 đồng ý trả cho ông B số vàng ông V còn nợ là 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 nhưng giá vàng ở thời điểm năm 2001. Giá vàng 24 kara loại 999,9 thị trường năm 2001 là 491.000 đồng/chỉ. Không đồng ý trả theo giá vàng hiện tại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H1 cũng thừa nhận ông V khi còn sống thì ông V và bà Võ Thị Bé S có tài sản chung là phần đất vườn, có diện tích là 1.500m² đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phần đất được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Võ Thị Bé S.

Theo lời khai tại cấp sơ thẩm, chị Lê Thị Ngọc T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà S, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị xác nhận ông V mất năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm có bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 ngoài ra không còn ai khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T đồng ý trả cho ông B số vàng ông V còn nợ là 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 nhưng giá vàng ở thời điểm năm 2001. Giá vàng 24 kara loại 999,9 thị trường năm 2001 là 491.000 đồng/chỉ. Không đồng ý trả theo giá vàng hiện tại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H1 xác định ông V khi còn sống thì ông V và Võ Thị Bé S có tài sản chung là phần đất vườn, có diện tích là 1.500m² đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phần đất được cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Võ Thị Bé S.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh B.

Buộc bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Thanh B 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại.

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.720.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại.

- Ông Võ Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 5.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004664 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 phải chịu 2.961.000 đồng chi phí giám định, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại. Ông Võ Thanh B được nhận lại số tiền 2.961.000 đồng sau khi thu được từ bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/01/2025, bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bà S, bà T, ông H1 đề nghị phân tài sản tổng diện tích 1.500m² thuộc thửa 940, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Bé S đứng tên sẽ được chia đều cho Lê Văn V, Võ Thị Bé S, Lê Thị Ngọc T, Lê Minh H1. Phần tài sản của ông V là 375m² sẽ được tiếp tục chia 4 lấy 01

phần tài sản là diện tích 93,75m² để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Đồng thời đề nghị giá trị 40 chỉ vàng 999,9 theo giá thị trường năm 2001 là 491.000 đồng/chỉ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 có thay đổi nội dung đơn kháng cáo là đồng ý giá trị 40 chỉ vàng 999,9 theo giá thị trường năm 2011 là 3.600.000 đồng/chỉ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Bé S, chị T, ông H1 là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Bé S, bà T, ông H1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại cấp phúc thẩm, bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 cũng thống nhất việc ông Lê Văn V, là chồng bà S, là cha chị T, anh H1, khi còn sống có nhờ ông Võ Thanh B vay dùm 40 chỉ vàng 24K vàng 9999 và sau khi ông V chết ông B đã trả thay cho ông V số vàng trên cho người cho vay, nên cũng thống nhất việc ông V có nợ ông B 40 chỉ vàng 24K vàng 9999, nhưng bà S, chị T, anh H1 kháng cáo liên đới trả 40 chỉ vàng 24K cho ông B mà yêu cầu xác định tổng diện tích 1.500m² (thuộc thửa 940, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà B1 Sáu đứng tên) sẽ được chia đều cho Lê Văn V, Võ Thị Bé S, Lê Thị Ngọc T, Lê Minh H1 mỗi người ¼ diện tích đất; phần tài sản của ông V là 375m² sẽ được tiếp tục chia làm 4 phần theo thừa kế, lấy 01 phần là 93,75m² thực hiện nghĩa vụ của ông V đối với ông B, đồng thời yêu cầu tính giá trị 40 chỉ vàng 999,9 theo giá thị trường năm 2011 là 3.600.000đ/chỉ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo trên của bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T và anh Lê Minh H1 là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xác định việc ông V có nợ ông B 40 chỉ vàng 24K là đúng; tại cấp phúc thẩm bà S, chị T và anh H1 cũng thừa nhận, đồng ý; về nghĩa vụ trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà S, chị T, anh H1 có nghĩa vụ trả cho ông B 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông V chết để lại cũng phù hợp pháp luật, do tại thời điểm giải quyết vụ án thì di sản của ông V để lại là một phần quyền sử dụng trong thửa đất số 940, tờ bản đồ số 7, tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là không xác định được cụ thể bao nhiêu bằng một kết

quả giải quyết có hiệu lực pháp luật, nên nay các đương sự kháng cáo và tự xác định phần di sản của ông V trong khối tài sản chung như trong đơn kháng cáo là không có căn cứ.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 615 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm: bà Võ Thị Bé S (vợ), chị Lê Thị Ngọc T (con ruột), anh Lê Minh H1 (con ruột) có trách nhiệm trả nợ cho ông B trong phạm vi tài sản của ông V để lại là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng giá vàng tại thời điểm năm 2001 trong việc vụ án, là 491.000 đồng/chỉ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này cũng không có căn cứ để chấp nhận, vì, thứ nhất, phía nguyên đơn không đồng ý; thứ hai, đối tượng tài sản của giao dịch giữa ông V với ông B là vàng thì nay phải thực hiện nghĩa vụ bằng vàng, còn việc giá vàng bao nhiêu thì sẽ được xác định tại thời điểm thi hành án, theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 472, 482 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 615, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Bé S, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Minh H1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh B.

Buộc bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Thanh B 40 chỉ vàng 24 kara loại 999,9 trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại (nếu có).

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.720.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại.

- Ông Võ Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 5.600.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004664 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 phải chịu 2.961.000 đồng chi phí giám định, trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông Lê Văn V chết để lại. Ông Võ Thanh B được nhận lại số tiền 2.961.000 đồng sau khi thu được từ bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Võ Thị Bé S, chị Lê Thị Ngọc T, anh Lê Minh H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà S, chị T, anh H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001893 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy